TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23/7/2021
V/v: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Trung Hiếu

2. Bà Trần Thị Bích Huề

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 23 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 408/2020/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc: "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Công N, sinh năm 1995. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái

2. Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1995. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15-12-2020 bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ cùng đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Bùi Công N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 8 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị H đi làm xa nhà không quan tâm đến gia đình khi chị H về nhà anh N khuyên bảo không đi làm xa nhà nữa nhưng chị H không nghe cũng từ thời gian đó anh và chị Trần Thị H không sống cùng nhau và không còn quan tâm đến nhau. Nay anh N xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Anh N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị H.

Về nuôi con chung: Anh và chị Trần Thị H có 01 con chung cháu Bùi Duy T, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2016 Hiện nay cháu đang sống cùng anh N, anh N đề

nghị Tòa án giải quyết được nuôi dưỡng cháu T đến năm 18 tuổi và anh không yêu cầu chị Trần Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh và chị Trần Thị H không có tài sản chung và không nợ ai nên anh N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu gì. Tại phiên tòa chị Trần Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Trần Thị H có hộ khẩu thường trú Thôn Đ, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn anh Bùi Công N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Trần Thị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Công N và chị Trần Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 8 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn chị H đi làm xa nhà không quan tâm đến gia đình khi chị H về nhà anh N khuyên bảo không đi làm xa nhà nữa nhưng chị H không nghe. Từ đầu năm 2018 đến nay anh N và chị H không sống cùng nhau nữa và không còn quan tấm đến nhau. Nay anh Bùi Công N xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Anh N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo phiên hoà giải nhiều lần nhưng chị Trần Thị H đều cố tình lẩn tránh và vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Từ đó có căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa anh Bùi Công N và chị Trần Thị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Công N là có căn cứ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Công N xử cho anh N được ly hôn chị Trần Thị H là có cơ sở.

[3] *Về nuôi con chung:* Anh Bùi Công N và chị Trần Thị H có 01 con chung cháu Bùi Duy T, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2016 hiện nay cháu T đang sống cùng anh N cuộc sống ổn định, anh N có thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/01tháng, có chỗ ở ổn định, còn chị Trần Thị H thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không quan tâm đến cháu T.

Từ những căn cứ nêu trên xét thấy đề nghị của anh Bùi Công N được nuôi dưỡng cháu Bùi Duy T là chính đáng do đó cần giao cháu T cho anh N tiếp tục

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh Bùi Công N không yêu cầu chị Trần Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Bùi Công N không có tài sản chung và không nợ ai, anh N không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Anh Bùi Công N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Trần Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Công N được ly hôn chị Trần Thị H

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Bùi Công N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Duy T, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2016 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Bùi Công N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ạnh Nghiệp đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2017/0005395, ngày 15-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên (xác nhận anh N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm)

Án xử công khai sơ thẩm. Anh Bùi Công N và chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã D,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

huyện T, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ, TA.

Nguyễn Đình Lâm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đình Lâm

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Dân Lực,
huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Lâm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đình Lâm

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Lâm